

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../2026/QH16

Dự thảo 7
Ngày 01.7.2026

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, biện pháp, chính sách, nguồn lực và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động, cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vũ khí hủy diệt hàng loạt* hay còn gọi là vũ khí hủy diệt lớn là các loại vũ khí được chế tạo, sản xuất có khả năng sát thương cao trên diện rộng, có khả năng hủy diệt, gây tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, môi trường sinh thái và gây hoảng loạn về tâm lý, tinh thần con người, bao gồm: vũ khí hạt nhân, vũ khí phóng xạ, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

2. *Vũ khí hạt nhân* là vũ khí sử dụng năng lượng được giải phóng từ phản ứng phân hạch hạt nhân, phản ứng tổng hợp hạt nhân không điều khiển hoặc dạng phản ứng hạt nhân khác, bao gồm: đạn dược hạt nhân, thiết bị nổ hạt nhân, phương tiện điều khiển và bộ phận, thiết bị chuyên dùng cấu thành vũ khí hạt nhân.

3. *Vũ khí phóng xạ* là vũ khí sử dụng chất phóng xạ làm nhiễm xạ môi trường, con người, phương tiện, vật chất khác, bao gồm: đạn dược chứa chất phóng xạ, phương tiện đưa chất phóng xạ tới mục tiêu hoặc thiết bị phun, rải.

4. *Vũ khí hoá học* được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hoá học bao gồm các loại sau đây, riêng biệt hoặc trong tổ hợp:

a) Các hóa chất độc và tiền chất của chúng, trừ trường hợp được sử dụng cho mục đích không bị cấm theo Công ước Cấm vũ khí hóa học với số lượng và chủng loại phù hợp với các mục đích đó;

b) Đạn dược và thiết bị được thiết kế chuyên biệt để gây tử vong hoặc gây tác hại khác thông qua độc tính của các hoá chất độc nêu tại điểm a khoản này. Độc tính của các hóa chất có thể phát sinh khi sử dụng các loại đạn dược hoặc thiết bị này;

c) Bất kỳ loại trang thiết bị nào được thiết kế chuyên dụng, trực tiếp liên quan đến sử dụng các loại đạn dược hoặc thiết bị nêu tại điểm b khoản này.

5. *Vũ khí sinh học* là vũ khí dựa trên đặc tính gây bệnh hoặc truyền bệnh của các tác nhân sinh học gây dịch giết hại hàng loạt cho người, động vật, thực vật. Thành phần của vũ khí sinh học là tác nhân sinh học như vi khuẩn, virus, nấm, độc tố và phương tiện đưa tác nhân sinh học đến mục tiêu.

6. *Phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt* là thiết bị mang, phóng, rải hoặc phát tán vũ khí hủy diệt hàng loạt, như: tên lửa, rốc-két, phương tiện bay không người lái, hệ thống không người lái khác và các phương tiện, hệ thống được thiết kế, chế tạo, cải hoán chuyên dùng hoặc có đặc tính kỹ thuật thuộc Danh mục kiểm soát có khả năng trực tiếp đưa vũ khí hủy diệt hàng loạt tới mục tiêu.

7. *Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện, tham gia, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua lại, dự trữ, lưu giữ, vận chuyển, chuyển giao, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển hoặc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; bao gồm việc cung cấp, chuyển giao, chia sẻ hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dữ liệu kỹ thuật, mã nguồn, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ, đào tạo kỹ thuật, tư vấn, môi giới, dịch vụ hoặc hỗ trợ kỹ thuật khác nhằm phục vụ hoặc tạo điều kiện cho hoạt động này.

8. *Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế, tài sản số, tài sản mã hóa hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc cho tổ chức, cá nhân bị chỉ định hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

9. *Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

10. *Hàng hóa lưỡng dụng* là hàng hóa thường được sử dụng cho mục đích dân sự nhưng có thể được sử dụng để phát triển, sản xuất hoặc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này hoặc pháp luật chuyên ngành có liên quan.

11. *Tổ chức, cá nhân bị chỉ định* là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam xác lập do có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

12. *Bên thứ ba ngay tình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp đối với tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ bị áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, phong tỏa, tạm giữ, niêm phong theo quy định của Luật này; đã xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ liên quan một cách thiện chí, hợp pháp; không biết, không thể biết và không có hành vi thông đồng, che giấu, tiếp tay hoặc tạo điều kiện cho việc phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

13. *Cảnh báo rủi ro* là thông tin, dấu hiệu, chỉ báo hoặc khuyến nghị do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc cơ chế hợp tác quốc tế có liên quan cung cấp, trao đổi, công bố hoặc xác lập nhằm phục vụ việc nhận diện, đánh giá, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

14. *Chủ thể kiểm soát thực tế* là tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối, quyết định hoặc có khả năng quyết định đối với hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng có liên quan đến nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

15. *Người sử dụng cuối cùng* là tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

Điều 4. Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đặt dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước và phát huy trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Lấy phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý kịp thời nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không thay thế chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; không đặt ra thủ tục quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát độc lập, trùng lặp.

5. Bảo đảm phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích.

6. Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp, thương mại, đầu tư và chuyển giao công nghệ hợp pháp.

7. Hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Trường hợp luật ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khác với quy định của Luật này thì quy định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này và nội dung thực hiện theo quy định của luật đó nhưng phải bảo đảm nguyên tắc về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc áp dụng Luật này phải bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 6. Chính sách về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Ưu tiên bố trí nguồn lực, phát triển nhân lực chuyên sâu, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, dữ liệu và năng lực cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Khuyến khích nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phân tích dữ liệu, công nghệ lưỡng dụng phục vụ nhận diện, cảnh báo, kiểm soát rủi ro; bảo đảm không cản trở hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại, đầu tư hợp pháp.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận thông tin, đào tạo, hướng dẫn tuân thủ và xây

dựng chương trình tuân thủ nội bộ về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 7. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua bán, trao đổi, dự trữ, lưu trữ, phát triển, vận chuyển, cung cấp, chuyển nhượng, chuyển giao phần mềm, công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc các hoạt động có liên quan, trừ trường hợp được phép theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan.

2. Cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính nhằm hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cho hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

3. Lợi dụng hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính, khoa học, công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, ngoại giao, nhân đạo, văn hóa, thể thao, du lịch, hoạt động hợp pháp khác để trực tiếp thực hiện, che giấu, hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho việc phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cản trở hoạt động hợp pháp; bao che, tiếp tay hoặc xử lý không đúng quy định đối với hành vi vi phạm pháp luật.

5. Che giấu, giả mạo, cung cấp thông tin sai lệch, tiêu hủy trái pháp luật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu nhằm trốn tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

6. Cản trở, chống đối, không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định của Luật này.

Điều 8. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế gồm:

a) Trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực quản lý, kiểm soát; xây dựng hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật;

c) Phối hợp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có liên quan;

d) Phối hợp xác minh, truy vết, phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản, giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

đ) Thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

Chương II **BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VÀ** **TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT**

Mục 1 **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT ĐẶC THÙ**

Điều 9. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù là biện pháp quản lý, kiểm soát được áp dụng theo quy định của Luật này trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, bao gồm:

a) Quản lý, kiểm soát theo danh mục;

b) Quản lý, kiểm soát ngoài danh mục;

c) Quản lý, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

d) Quản lý, kiểm soát giao dịch tài chính;

đ) Các biện pháp cần thiết khác nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 10. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hoạt động nhận diện, thu thập, phân tích, đánh giá, cập nhật, cảnh báo, giám sát rủi ro và áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý phù hợp với rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Đánh giá rủi ro quốc gia là nội dung trọng tâm của quản lý rủi ro quốc gia, được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất khi xuất hiện nguy cơ

mới, nguy cơ gia tăng, vụ việc nghiêm trọng có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhằm đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

3. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia phải xác định rủi ro theo lĩnh vực, ngành, địa bàn, nhóm đối tượng, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch; nguy cơ, phương thức, thủ đoạn, xu hướng rủi ro; lỗ hổng, hạn chế trong cơ chế quản lý, kiểm soát, phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và năng lực thực thi; kiến nghị biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, giám sát, xử lý rủi ro và phân bổ nguồn lực phù hợp.

4. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh chính sách, kế hoạch, danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro, cơ chế cảnh báo sớm; xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát; áp dụng biện pháp kiểm soát đặc thù, thanh tra, kiểm tra, giám sát trọng điểm; nâng cao năng lực thực thi và thực hiện nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Cơ quan đầu mối quốc gia chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức đánh giá rủi ro quốc gia; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả đánh giá được phê duyệt, phải công bố, phổ biến hoặc chia sẻ kết quả đánh giá đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc công bố, phổ biến, chia sẻ phải bảo đảm bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trường hợp không công bố hoặc công bố một phần thì phải có căn cứ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro; cập nhật rủi ro thuộc phạm vi quản lý, hoạt động của mình; áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát phù hợp với rủi ro theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được chia sẻ, khai thác, sử dụng chung với hệ thống quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan, quản lý thuế, phòng, chống rửa tiền và lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

8. Chính phủ quy định trách nhiệm, phương pháp, nguồn thông tin, dữ liệu để đánh giá rủi ro quốc gia và việc công bố, chia sẻ, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở phân tích, đối chiếu nguy cơ, mức độ dễ bị tổn thương và hậu quả

tiềm tàng; căn cứ vào thông tin, dữ liệu, tài liệu, bằng chứng, cảnh báo rủi ro, kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, điều tra, xử lý vi phạm, yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

2. Tiêu chí đánh giá nguy cơ về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân, mạng lưới, quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc chủ thể khác có nguy cơ thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát, che giấu, tạo điều kiện hoặc bị lợi dụng cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, hoạt động thương mại, đầu tư, vận tải, logistics, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao công nghệ hoặc hoạt động khác có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Xu hướng phát triển khoa học, công nghệ, phương thức, thủ đoạn mới có khả năng bị lợi dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, sử dụng hoặc che giấu hoạt động liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Nguy cơ phát sinh từ quốc gia, vùng lãnh thổ, địa bàn, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Thông tin cảnh báo trong nước, quốc tế; khuyến nghị của tổ chức quốc tế; thông tin, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tình báo, hải quan, khoa học, công nghệ và cơ quan khác có liên quan cung cấp.

3. Tiêu chí đánh giá mức độ dễ bị tổn thương gồm:

a) Lỗ hổng trong hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý nhà nước, kiểm soát chuyên ngành, quy trình nghiệp vụ, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và cảnh báo rủi ro;

b) Năng lực của cơ quan, tổ chức có liên quan trong nhận diện, phân tích, dự báo, giám sát, phát hiện, xác minh, ngăn chặn, điều tra, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Mức độ tuân thủ pháp luật, hiệu quả của chương trình tuân thủ nội bộ, cơ chế nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan;

d) Mức độ phụ thuộc vào công nghệ, nguồn cung, đối tác, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, hạ tầng số, nền tảng công nghệ hoặc quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao.

4. Tiêu chí đánh giá hậu quả tiềm tàng gồm:

a) Tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam;

b) Tác động đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, cơ sở hạ tầng thiết yếu, an toàn cộng đồng và ổn định xã hội;

c) Thiệt hại về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, uy tín quốc gia và hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Khả năng lan truyền, tính chất xuyên biên giới, mức độ phức tạp, khả năng leo thang, phạm vi ảnh hưởng, khả năng khắc phục hậu quả và chi phí phục hồi.

Điều 12. Danh mục kiểm soát

1. Danh mục kiểm soát theo Luật này là Danh mục hàng hóa lưỡng dụng có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, được xây dựng trên cơ sở tích hợp, chuẩn hóa, cập nhật, dẫn chiếu dữ liệu từ danh mục hàng hóa lưỡng dụng thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

2. Danh mục kiểm soát không thay thế danh mục hàng hóa lưỡng dụng do bộ, ngành quản lý được ban hành hoặc công bố; không làm phát sinh điều kiện đầu tư kinh doanh, giấy phép, chấp thuận, xác nhận, thủ tục khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát độc lập, trùng lặp. Việc quản lý, cấp phép, chấp thuận, xác nhận, thông quan, kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hàng hóa lưỡng dụng thuộc Danh mục kiểm soát được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

3. Danh mục kiểm soát được sử dụng để nhận diện, đánh giá, cảnh báo, chia sẻ thông tin, dữ liệu và áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù theo quy định của Luật này đối với hàng hóa lưỡng dụng khi có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Trường hợp hàng hóa lưỡng dụng đồng thời thuộc Danh mục kiểm soát theo Luật này và danh mục quản lý chuyên ngành thì việc quản lý, kiểm soát được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; cơ quan có thẩm quyền chỉ yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu trực tiếp phục vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi thông tin đã có theo pháp luật chuyên ngành chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý rủi ro.

5. Danh mục kiểm soát được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; khi có thay đổi về điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an

Liên hợp quốc có liên quan, pháp luật chuyên ngành; khi xuất hiện nguy cơ mới, nguy cơ gia tăng hoặc yêu cầu cấp thiết về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

6. Danh mục kiểm soát được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và cơ quan quản lý chuyên ngành để cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành, rà soát, cập nhật, công bố, khai thác và sử dụng Danh mục kiểm soát.

Điều 13. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát gồm:

- a) Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có liên quan;
- b) Hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, lưu giữ, sử dụng, vận chuyển, tiêu hủy hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ;
- c) Chuyển giao phần mềm, công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật;

2. Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện quản lý, kiểm soát khi:

- a) Liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát;
- b) Không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng cho thấy có nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 14. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối tượng thuộc Danh mục kiểm soát

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối tượng thuộc Danh mục kiểm soát được áp dụng đối với hoạt động quy định tại Điều 13 của Luật này liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng thuộc Danh mục kiểm soát có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Biện pháp quản lý, kiểm soát bao gồm:

a) Cấp phép, chấp thuận, xác nhận hoặc áp dụng biện pháp quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

b) Khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

c) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyển vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao và thông tin phục vụ việc quản lý, kiểm soát.

d) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát.

đ) Kiểm tra, giám sát về thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát; cảnh báo, theo dõi, hậu kiểm.

e) Tạm dừng hoạt động khi có dấu hiệu rủi ro cần xác minh về tổ chức, cá nhân bị chỉ định; người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế; tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao hoặc nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

g) Từ chối hoạt động khi có căn cứ xác thực cho thấy hoạt động có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định; phục vụ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; hoặc phải từ chối để thực hiện nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định tạm dừng, từ chối hoạt động bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, cơ chế rà soát và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân bị tác động.

4. Thời hạn tạm dừng hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này không quá 15 ngày; trường hợp vụ việc phức tạp cần tiếp tục xác minh thì được gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày và phải nêu rõ lý do gia hạn bằng văn bản. Khi không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay việc tạm dừng hoạt động; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền quyết định tạm dừng, từ chối hoạt động quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 15. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối tượng ngoài danh mục kiểm soát

1. Kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát được áp dụng đối với hoạt động quy định tại Điều 12 của Luật này liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ không thuộc Danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng cho thấy có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát phải bảo đảm đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, cần thiết, tương xứng với rủi ro; không áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có thông tin, tài liệu, dữ liệu cho thấy người sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi hoặc chủ thể kiểm soát thực tế có liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định hoặc hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng không được xác định rõ; hồ sơ, tài liệu, dữ liệu có dấu hiệu che giấu, khai báo không đúng, không thống nhất, thay đổi bất thường hoặc không chứng minh được theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động biết hoặc có căn cứ xác định hàng hoá vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần cho mục đích phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Có cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền trong nước, cảnh báo quốc tế có nguồn gốc rõ ràng, có khả năng kiểm chứng hoặc yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt liên quan đến người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc hoạt động có liên quan.

4. Biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát bao gồm:

a) Yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu; giải trình về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

b) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và thông tin khác có liên quan trực tiếp đến việc xác định người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

c) Yêu cầu lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động cụ thể thuộc diện kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát;

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm đối với hoạt động cụ thể có rủi ro về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Tạm dừng hoạt động để xác minh khi có dấu hiệu rủi ro cụ thể về người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng nhưng chưa đủ căn cứ để từ chối;

e) Từ chối hoạt động khi có căn cứ xác thực cho thấy người sử dụng cuối cùng hoặc mục đích sử dụng cuối cùng có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

5. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài Danh mục kiểm soát được quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 16. Kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Người sử dụng cuối cùng là tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông tin khác có liên quan trực tiếp đến việc xác định nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát hoặc trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể; không áp dụng đại trà đối với hoạt động hợp pháp, thông thường. Trước khi yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát, kế thừa, sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu đã có trong hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu khi thông tin hiện có chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Tiêu chí kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng gồm:

a) Người sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế có liên quan đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh sách cảnh báo, quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức, cá nhân có nguy cơ cao về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Mục đích sử dụng cuối cùng không phù hợp với chức năng, lĩnh vực hoạt động, năng lực kỹ thuật, nhu cầu thực tế, hồ sơ giao dịch hoặc thông tin đã cung cấp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có đặc tính kỹ thuật, công dụng hoặc khả năng ứng dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện, giao dịch hoặc phương thức thanh toán có dấu hiệu bất thường hoặc nhằm che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế;

đ) Thông tin, tài liệu, chứng từ, dữ liệu có dấu hiệu không thống nhất, không đầy đủ, không xác thực; có dấu hiệu che giấu, giả mạo, thay đổi bất thường hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết;

e) Có thông tin cảnh báo, khuyến nghị, yêu cầu hợp tác, thông tin trao đổi từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

5. Biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng gồm:

- a) Yêu cầu cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan;
- b) Đối chiếu, xác minh thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao;
- c) Yêu cầu cam kết về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;
- d) Áp dụng cảnh báo, theo dõi, hậu kiểm phù hợp với rủi ro;
- đ) Áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Việc tạm dừng hoạt động hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát có khả năng hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện khi có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng và phải được lập thành văn bản, nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

7. Việc kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng phải dựa trên đánh giá rủi ro, không làm phát sinh nghĩa vụ trùng lặp với pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện quy trình nhận biết khách hàng, xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền, cơ quan có thẩm quyền kế thừa, sử dụng kết quả đó, chỉ yêu cầu bổ sung thông tin cụ thể về mục đích sử dụng cuối cùng của hàng hóa, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát khi cần thiết.

8. Chính phủ phân công cơ quan thực hiện và cơ chế phối hợp trong kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng.

Điều 17. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được áp dụng khi phát hiện hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt cần phải áp dụng ngay để ngăn chặn thiệt hại đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được áp dụng khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Có căn cứ xác định hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện đang hoặc sắp được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Có nguy cơ tẩu tán, chuyển dịch, tiêu hủy, che giấu hàng hóa, tài liệu, dữ liệu, tiền, tài sản, phương tiện hoặc chứng cứ có liên quan đến nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao hoặc nguồn gốc tiền, tài sản nhằm né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát;

đ) Có thông tin cảnh báo, yêu cầu phối hợp, yêu cầu xử lý khẩn cấp từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

e) Có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp gồm:

a) Tạm dừng hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến nguy cơ;

b) Phong tỏa tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, tài khoản có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xử lý nguy cơ;

đ) Biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, quyền giải trình của tổ chức, cá nhân bị tác động.

5. Thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp không quá 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp. Khi không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp.

Thời hạn quy định tại khoản này không áp dụng đối với biện pháp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải rà soát ngay trong thời hạn áp dụng; khi không còn căn cứ thì chấm dứt biện pháp, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị tác động. Trường hợp áp dụng biện pháp trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

7. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 18. Chương trình tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp

1. Chương trình tuân thủ nội bộ là hệ thống chính sách, quy trình, phân công trách nhiệm, nguồn lực, công cụ và biện pháp kiểm soát do tổ chức, cá nhân thiết lập, duy trì, cập nhật phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động và rủi ro, nhằm nhận diện, đánh giá, sàng lọc, phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, ngăn chặn, khắc phục nguy cơ, hành vi vi phạm quy định về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm xây dựng, áp dụng chương trình tuân thủ nội bộ phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, loại hình hàng hóa, công nghệ, dịch vụ và rủi ro.

3. Chương trình tuân thủ nội bộ gồm:

- a) Chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ;
- b) Cơ chế nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro;
- c) Kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- d) Kiểm soát giao dịch, chuyển giao hàng hóa, công nghệ, dịch vụ;
- đ) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, chế độ báo cáo;
- e) Đào tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động;
- g) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm nội bộ.

4. Chương trình tuân thủ nội bộ là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ và xác định phương thức quản lý, kiểm soát phù hợp đối với tổ chức, doanh nghiệp.

Điều 19. Đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

1. Tổ chức, doanh nghiệp được xem xét áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng các điều kiện cơ bản sau đây:

- a) Có chương trình tuân thủ nội bộ phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động và rủi ro;

b) Có lịch sử chấp hành tốt pháp luật; có cơ chế kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin, phối hợp xác minh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Không thuộc trường hợp đang bị xử lý vi phạm hoặc có nguy cơ cao về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc đánh giá, công nhận chế độ ưu tiên được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, dựa trên mức độ tuân thủ, lịch sử chấp hành pháp luật, rủi ro của hoạt động và khả năng phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, xử lý rủi ro.

3. Chế độ ưu tiên gồm: Giảm tần suất kiểm tra, giám sát; đơn giản hóa chế độ khai báo, báo cáo; ưu tiên xử lý hồ sơ, giao dịch; áp dụng cơ chế hậu kiểm phù hợp và biện pháp hỗ trợ tuân thủ khác theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên có trách nhiệm duy trì điều kiện tuân thủ; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời; chịu kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định của pháp luật; bị tạm đình chỉ, chấm dứt hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên khi không còn đáp ứng điều kiện hoặc vi phạm quy định của Luật này.

5. Chính phủ quy định thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, đánh giá, công nhận, duy trì, đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp có chương trình tuân thủ nội bộ.

Điều 20. Nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát hoặc có liên quan đến phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tuân thủ Luật này, pháp luật có liên quan và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nhận diện, cập nhật, xác minh thông tin cần thiết về đối tác, khách hàng, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông tin khác có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đánh giá, cập nhật rủi ro trong phạm vi hoạt động của mình; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, quy mô, tính chất hoạt động và rủi ro.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đầy đủ, trung thực, kịp thời theo yêu cầu của

cơ quan có thẩm quyền; lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Khi phát hiện hoặc có căn cứ nghi ngờ hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cần thiết trong phạm vi trách nhiệm của mình.

6. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tiền, tài sản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức, cá nhân không được che giấu, giả mạo, tiêu hủy trái pháp luật thông tin, hồ sơ, chứng từ, dữ liệu; không được cản trở, né tránh hoặc tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân khác né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

8. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và thông tin có liên quan trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

9. Đối tượng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin.

Mục 2

KIỂM SOÁT TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 21. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, trì hoãn giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản và áp dụng biện pháp cần thiết khác đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế, tài sản số, tài sản mã hóa hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác có nguy cơ được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 27 của Luật này. Các nghĩa vụ về nhận biết khách hàng,

xác định chủ sở hữu hưởng lợi, xây dựng quy định nội bộ, báo cáo, cung cấp và lưu giữ thông tin được thực hiện theo pháp luật phòng, chống rửa tiền.

3. Khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện giao dịch, hành vi có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân phải báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trì hoãn giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá, cập nhật rủi ro tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là bộ phận của quản lý rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; được thực hiện trên cơ sở kế thừa kết quả đánh giá rủi ro quốc gia quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật này, nhằm nhận diện, phân tích và đánh giá rủi ro về khả năng vi phạm, không thực thi hoặc lẫn tránh các biện pháp trừng phạt của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được tích hợp trong kỳ đánh giá rủi ro quốc gia quy định tại Điều 9 của Luật này; trường hợp phát sinh nguy cơ, phương thức, thủ đoạn mới, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc khuyến nghị của tổ chức quốc tế có liên quan thì thực hiện cập nhật chuyên đề, đột xuất.

3. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xây dựng, cập nhật chính sách, biện pháp kiểm soát tài trợ phổ biến; áp dụng quản lý theo rủi ro; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro; phục vụ cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế.

4. Nội dung, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đánh giá, cập nhật, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 23. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm trì hoãn giao dịch và báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kể từ khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân

tích thông tin khi khách hàng, có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ tại khoản 3 của Điều này hoặc có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo xác định.

2. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại khoản 1 Điều này không phụ thuộc vào giá trị của giao dịch, không phụ thuộc vào giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa.

3. Dấu hiệu giao dịch đáng ngờ được xác định trên cơ sở một hoặc một số nhóm dấu hiệu sau đây:

a) Khách hàng, bên thụ hưởng, người đại diện, người kiểm soát hoặc người có liên quan thuộc Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh sách cảnh báo hoặc có dấu hiệu che giấu, giả mạo danh tính;

b) Giao dịch không phù hợp với hồ sơ khách hàng, mục đích kinh tế, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính hoặc lịch sử giao dịch;

c) Giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, đối tác, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ cao về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch có dấu hiệu chia nhỏ, chuyển tiếp qua nhiều trung gian, sử dụng cấu trúc sở hữu, thanh toán hoặc bên thụ hưởng phức tạp nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích hoặc người hưởng lợi cuối cùng;

đ) Giao dịch tài trợ thương mại, bảo lãnh, thư tín dụng, thanh toán quốc tế, bảo hiểm, vận tải, logistics có thông tin không thống nhất về hàng hóa, tuyến vận chuyển, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc bên thụ hưởng;

e) Giao dịch sử dụng tài sản ảo, phương tiện thanh toán điện tử, cấu trúc sở hữu, bên trung gian, bên nhận ủy thác, bên đại diện nhằm che giấu nguồn gốc tài sản, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi hoặc chủ thể kiểm soát thực tế.

4. Thời hạn và chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Điều 24. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành và danh sách do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập theo quy định của Luật này; là căn cứ để áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản và biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân bị đưa vào Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành;

b) Có căn cứ xác thực, có khả năng kiểm chứng cho thấy trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát, che giấu hoặc tạo điều kiện cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Hành động thay mặt, theo chỉ đạo, chịu sự sở hữu, kiểm soát hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

3. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định gồm:

a) Quyết định đưa ra khỏi danh sách của cơ quan, tổ chức quốc tế có thẩm quyền;

b) Không còn căn cứ áp dụng biện pháp chỉ định;

c) Có nhầm lẫn về danh tính;

d) Tổ chức đã chấm dứt hoạt động, cá nhân đã chết;

đ) Trường hợp khác do Luật này hoặc điều ước quốc tế có liên quan quy định.

4. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định phải được cập nhật, công bố hoặc thông báo để thực hiện ngay, không chậm trễ; trường hợp có căn cứ bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu nghiệp vụ thì phạm vi, phương thức công bố, thông báo được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

5. Việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định phải được thực hiện bằng quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền; phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi biện pháp, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện.

6. Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định phải được rà soát định kỳ hoặc đột xuất; tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện; bên thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đề xuất đưa vào danh sách hoặc đưa ra khỏi chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và trình tự, thủ tục tiếp nhận, xử lý yêu cầu của quốc gia khác về việc xác định tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc không liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đề nghị quốc gia khác xác định tổ chức, cá nhân liên quan hoặc không liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 25. Phong tỏa tiền, tài sản và trì hoãn giao dịch

1. Tài sản liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm:

a) Tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, một phần hoặc toàn bộ của tổ chức, cá nhân thuộc danh sách bị chỉ định;

b) Tài sản phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, một phần hoặc toàn bộ của tổ chức, cá nhân thuộc danh sách bị chỉ định;

c) Tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hoặc kiểm soát của tổ chức, cá nhân được quyền nhân danh tổ chức, cá nhân thuộc danh sách bị chỉ định hoặc chịu sự điều hành, chỉ đạo, kiểm soát của tổ chức, cá nhân đó;

d) Tài sản được sử dụng hoặc nhằm để sử dụng vào mục đích phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tài sản có được từ hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Tài sản được sử dụng hoặc nhằm để sử dụng vào mục đích phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có được từ hành vi chiếm đoạt hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch được áp dụng đối với tài sản thuộc sở hữu, quản lý, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; tài sản phát sinh từ tài sản đó; tài sản của tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo chỉ đạo hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; tài sản được sử dụng hoặc nhằm để sử dụng cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch không làm chuyển quyền sở hữu tài sản và không làm mất quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người quản lý, bên thứ ba ngay tình, trừ phần quyền bị hạn chế theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

4. Căn cứ áp dụng biện pháp phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch gồm:

a) Khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch liên quan đến Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

b) Yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

5. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện không chậm trễ các biện pháp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản ngay khi có quyết định, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có căn cứ để nghi ngờ, hoặc khi phát hiện tài sản thuộc trường hợp phải phong tỏa, trì hoãn giao dịch theo quy định của Luật này; đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi thực hiện phong tỏa, trì hoãn giao dịch nhưng không quá 24 giờ kể từ thời điểm phong tỏa, trì hoãn giao dịch.

6. Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý báo cáo về tài sản đã bị phong tỏa, trì hoãn giao dịch. Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân, Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, làm rõ và cung cấp phản hồi thông tin cho tổ chức, cá nhân đã thực hiện báo cáo.

7. Việc phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch phải đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi, kịp thời; quyết định hoặc thông báo áp dụng phải xác định rõ đối tượng, tài sản, giao dịch bị áp dụng, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện, thời hạn áp dụng và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện. Đối với đối tượng thuộc danh sách của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thời hạn áp dụng kéo dài đến khi có quyết định đưa ra khỏi danh sách hoặc quyết định giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền. Đối với danh sách do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập, thời hạn áp dụng theo quyết định chỉ định nhưng phải được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải giải tỏa theo khoản 8 Điều này.

8. Việc phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch phải bảo đảm:

a) Chỉ áp dụng trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình;

c) Được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi phát sinh thông tin mới hoặc khi có căn cứ cho rằng biện pháp không còn cần thiết;

d) Được giải quyết khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

9. Việc giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản bị phong tỏa, giao dịch bị trì hoãn chỉ được thực hiện khi không còn căn cứ áp dụng; có nhầm lẫn về danh tính; tài sản không thuộc sở hữu, quyền quản lý, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình; hoặc được phép sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

10. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát việc phong tỏa tiền, tài sản, trì hoãn giao dịch định kỳ hoặc khi có yêu cầu, kiến nghị, thông tin mới; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp, giải tỏa tài sản và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

11. Biểu mẫu, phương thức thông báo, chế độ báo cáo, cơ chế phối hợp, trình tự rà soát, giải tỏa và cho phép sử dụng tài sản cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo do Chính phủ quy định.

Điều 26. Rà soát, khiếu nại, giải tỏa tài sản và bảo vệ bên thứ ba ngay tình

1. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định định có quyền được thông báo về việc bị chỉ định, phạm vi biện pháp áp dụng, trừ trường hợp việc thông báo ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nghĩa vụ quốc tế hoặc bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu xem xét lại, sửa đổi, hủy bỏ quyết định chỉ định hoặc biện pháp phong tỏa theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định, người phụ thuộc hoặc bên có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan được đề nghị giải tỏa một phần tài sản để phục vụ nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo hoặc nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Bên thứ ba ngay tình, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế có quyền cung cấp tài liệu chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, giao dịch; yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu biện pháp được áp dụng trái pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, trả lời kiến nghị, yêu cầu rà soát, giải tỏa trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu hợp lệ; trường hợp vụ việc phức tạp thì được kéo dài một lần nhưng không quá 30 ngày làm việc và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình trên cơ sở quyền, căn cứ và điều kiện đã được quy định tại Luật này.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan gồm:

a) Nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; đánh giá rủi ro, phân loại khách hàng theo rủi ro; giám sát giao dịch; xây dựng quy định nội bộ và báo cáo, cung cấp, lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

b) Thường xuyên rà soát, đối chiếu khách hàng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, người đại diện, người được ủy quyền, giao dịch, tài sản với Danh sách

tổ chức, cá nhân bị chỉ định, Danh sách đen, danh sách cảnh báo và thông tin cảnh báo rủi ro có liên quan;

c) Đóng băng không chậm trễ, không thông báo trước tiên, tài sản thuộc sở hữu, quản lý, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân bị chỉ định; đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm đóng băng và thông báo cho tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Không cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế cho đối tượng bị chỉ định hoặc vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị chỉ định;

đ) Trì hoãn, từ chối giao dịch, chấm dứt quan hệ với khách hàng khi có căn cứ theo quy định của Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan;

e) Rà soát, cập nhật, đánh giá rủi ro đối với sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ mới, phương thức thanh toán mới, tài sản số, tài sản mã hóa hoặc phương thức chuyển giao giá trị khác có nguy cơ bị lợi dụng để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Xây dựng chương trình đào tạo về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cập nhật thường xuyên danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại phát sinh khi thực hiện đúng quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thực hiện đúng nghĩa vụ đóng băng, phong tỏa, trì hoãn, từ chối giao dịch theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Mục 3

THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CẢNH BÁO SỚM

Điều 28. Chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc nghĩa vụ tuân thủ của mình, có trách nhiệm chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu được chia sẻ gồm:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Giao dịch tài chính, dòng tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ và hoạt động có nguy cơ;

d) Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, khai báo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

- đ) Cảnh báo từ tổ chức quốc tế, cơ quan nước ngoài, cơ quan trong nước;
- e) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý rủi ro, cảnh báo sớm và tổ chức thực hiện Luật này.

3. Việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải bảo đảm bí mật nhà nước; không sử dụng thông tin, dữ liệu trái mục đích hoặc vượt quá phạm vi được phép.

4. Cơ quan nhà nước không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã được báo cáo, cập nhật, chia sẻ trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trừ trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, không chính xác, cần xác minh, cập nhật hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 29. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ sở dữ liệu về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; được xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

- a) Dữ liệu về tổ chức, cá nhân bị chỉ định;
- b) Danh mục hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát;
- c) Thông tin cấp phép, khai báo, kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, chuyển giao có dấu hiệu liên quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- d) Dữ liệu về giao dịch tài chính, tài sản có dấu hiệu liên quan phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- đ) Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;
- e) Dữ liệu cảnh báo rủi ro, phân tích xu hướng;
- g) Dữ liệu khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Chính phủ quy định việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, khai thác, sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 30. Cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cảnh báo sớm về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện khi có thông tin về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung cảnh báo sớm gồm:

a) Chủ thể, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, hoạt động, giao dịch, tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao có dấu hiệu rủi ro;

b) Phương thức, thủ đoạn, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát;

c) Phạm vi ảnh hưởng, cơ quan, tổ chức, cá nhân cần được cảnh báo;

d) Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xác minh, phối hợp xử lý hoặc phản hồi thông tin theo thẩm quyền;

3. Cảnh báo sớm được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Văn bản cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thông báo điện tử, thông báo qua cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, hệ thống cảnh báo chuyên ngành hoặc cổng thông tin được cơ quan có thẩm quyền xác định;

c) Thông báo trực tiếp, thông báo khẩn trong trường hợp cần xử lý ngay nguy cơ trực tiếp, hiện hữu;

d) Hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm chủ trì thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin; phát hành, cập nhật, sửa đổi, thu hồi cảnh báo sớm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo theo quy định của pháp luật.

5. Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo; phối hợp xác minh, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

Điều 31. Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trừ nội dung thực thi các điều ước quốc tế đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao bộ quản lý chuyên ngành chủ trì thực hiện.

3. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Tổ chức đánh giá, quản lý, cập nhật rủi ro quốc gia; xây dựng, rà soát, cập nhật danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro và biện pháp quản lý, kiểm soát theo rủi ro;

c) Tổ chức thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát; kiểm soát ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ; biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp;

d) Tổ chức kiểm soát tài trợ phổ biến, danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định, phong tỏa tiền, tài sản và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ chế cảnh báo sớm; cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu và phối hợp liên ngành trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn, hỗ trợ tuân thủ; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, đánh giá hiệu quả thực hiện; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

i) Hợp tác quốc tế; trao đổi, chia sẻ thông tin; thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, khuyến nghị và nghĩa vụ quốc tế có liên quan;

k) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và nguồn lực khác phục vụ thi hành Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; chế độ thông tin, báo cáo, chia sẻ dữ liệu và phối hợp liên ngành trong tổ chức thực hiện Luật này.

Điều 32. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là Bộ Quốc phòng, có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện chức năng điều phối, không làm thay, không thay thế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 33. Thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra, kiểm tra và pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả đánh giá rủi ro, thông tin cảnh báo, dấu hiệu vi phạm hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan; ưu tiên thanh tra, kiểm tra, giám sát trọng điểm đối với lĩnh vực, hoạt động, tổ chức, cá nhân có rủi ro.

3. Nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát gồm:

a) Việc chấp hành quy định của Luật này, pháp luật chuyên ngành có liên quan và quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Việc thực hiện quản lý rủi ro; cập nhật, áp dụng Danh mục kiểm soát; áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, cảnh báo sớm; việc xây dựng, duy trì chương trình tuân thủ nội bộ;

c) Việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Việc thực hiện nghĩa vụ khai báo, báo cáo, cung cấp, chia sẻ, cập nhật, lưu giữ, bảo mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo quy định;

đ) Việc phối hợp liên ngành; kết nối, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu; tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin cảnh báo, thông tin rủi ro;

e) Hiệu quả tổ chức thực hiện, mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý theo rủi ro, kết quả khắc phục hạn chế, xử lý vi phạm và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

g) Nội dung khác theo quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Cơ quan nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin, xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được tiến hành độc lập hoặc lồng ghép với hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành; sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành để phục vụ quản lý, kiểm soát, xử lý rủi ro, xử lý vi phạm về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không thanh tra, kiểm tra, giám sát lại đối với cùng một nội dung, trừ trường hợp có căn cứ rủi ro mới, dấu hiệu vi phạm mới hoặc yêu cầu cấp thiết về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

Điều 34. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm: lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt gồm:

a) Lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Lực lượng được giao thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, địa phương.

3. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

4. Lực lượng nòng cốt được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập theo quy định của Chính phủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 35. Nguồn lực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp; các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Trang thiết bị phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm các loại phương tiện, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Chính phủ ban hành danh mục trang thiết bị phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 36. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng chuyên trách phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi thực hiện nhiệm vụ trực, nhiệm vụ có tính chất đặc thù hoặc nhiệm vụ trong môi trường nguy hiểm, độc hại được hưởng chế độ trực, chế độ phụ cấp, bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Người được điều động, huy động làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quyết định của cấp có thẩm quyền được bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ; được hưởng chế độ, chính sách phù hợp với tính chất, mức độ, thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có thành tích thì được khen thưởng; trường hợp bị thiệt hại về tài sản, tổn hại về danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thì được bồi thường, hỗ trợ, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp hoặc hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

